

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

Số: 270/QĐ - UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cao Bằng, ngày 26 tháng 02 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch khuyến công tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016 - 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình khuyến công Quốc gia đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 46/2013/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP, ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC - BCT ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính - Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương;

Xét đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 1254/TTr-SCT ngày 24 tháng 12 năm 2014 của Sở Công Thương về việc phê duyệt Kế hoạch khuyến công tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016 - 2020; ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 24/SKHĐT-KTN ngày 09 tháng 01 năm 2015; ý kiến của Sở Tài chính tại Văn bản số 42a/STC-HCSN ngày 15 tháng 01 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch khuyến công tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, Thành phố và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Bộ Công Thương;
- Cục Công nghiệp Địa phương, BCT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ngành có liên quan;
- VP: Các PCVP UBND tỉnh, CV: CN, TH;
- TT Khuyến công và TVPT Công nghiệp;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, CN (V).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đàm Văn Eng

KẾ HOẠCH
KHUYẾN CÔNG TỈNH CAO BẰNG GIAI ĐOẠN 2016 – 2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 270 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm
2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng).

Thực hiện Thông tư số 46/2013/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP, ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công; Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC - BCT ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính - Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương; Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng xây dựng Kế hoạch khuyến công giai đoạn 2016 - 2020, với những nội dung như sau:

Phần I

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG GIAI ĐOẠN 2009 - 2015

Giai đoạn 2009 - 2015 hoạt động khuyến công đã đạt được những kết quả đáng kể. Số lượng các cơ sở công nghiệp tăng lên, giá trị sản xuất công nghiệp đảm bảo tốc độ tăng trưởng, tạo thêm việc làm cho người lao động nông thôn, góp phần tăng giá trị sản xuất công nghiệp. Số lượng các cơ sở công nghiệp nông thôn (CNNT) năm 2009 là 1.526 cơ sở, năm 2013 trên 1.600 cơ sở, năm 2014 và năm 2015 trên 1.650 cơ sở, tăng trên 100 cơ sở so với năm 2009; giá trị sản xuất công nghiệp năm 2009 (theo giá hiện hành) là 1.202,433 tỷ đồng, dự kiến năm 2015 là 2.400 tỷ đồng, bình quân tăng 12,2%/năm; số lao động làm việc tại các cơ sở CNNT năm 2009 là 7.039 lao động, năm 2015 dự kiến 9.000 lao động, bình quân tăng 4,18%/năm; số lao động có việc làm từ hoạt động khuyến công năm 2009 là 215 người, năm 2015 dự kiến 700 người, bình quân tăng 21,74%/năm. Quá trình thực hiện các hoạt động khuyến công của tỉnh gặp những thuận lợi và khó khăn như sau:

I. THUẬN LỢI

- Luôn nhận được sự quan tâm của Tỉnh ủy, sự giám sát của HĐND tỉnh; sự chỉ đạo về nghiệp vụ của Cục Công nghiệp Địa phương, Bộ Công Thương.
- Theo chức năng, nhiệm vụ các sở, ban, ngành liên quan nghiêm túc triển

khai các công việc liên quan đến hoạt động khuyến công; các cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh đã nhận thức được và quan tâm đăng ký tham gia các đề tài khuyến công; trung tâm khuyến công các tỉnh bạn quan tâm, ủng hộ và tạo điều kiện trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Hệ thống văn bản liên quan đến công tác khuyến công cơ bản đầy đủ và ổn định lâu dài.

- Đội ngũ làm công tác khuyến công có trình độ, có trách nhiệm và nhiệt tình, tâm huyết với nghề.

II. KHÓ KHĂN

- Quy mô các cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh còn nhỏ lẻ, chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và hộ cá thể. Sản xuất công nghiệp tiểu thủ công nghiệp phát triển chậm, chưa bền vững.

- Địa bàn triển khai đề án khuyến công chủ yếu ở vùng sâu, vùng xa, điều kiện giao thông đi lại khó khăn. Một số cơ sở có ngành nghề truyền thống ở những địa bàn khó khăn như huyện Bảo Lạc, Bảo Lâm, Thông Nông, Nguyên Bình, Hà Quảng, Hạ Lang do đó khó khăn trong việc triển khai đề án.

- Nguồn kinh phí cấp cho công tác khuyến công địa phương hàng năm còn hạn hẹp, theo kế hoạch giai đoạn 2013-2015 kinh phí khuyến công địa phương bằng 0,2% tổng thu ngân sách nội địa (tại Nghị quyết số 31/2008/NQ-HĐND ngày 10/12/2008 của HĐND tỉnh về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn giai đoạn 2009 - 2012, hàng năm trích từ 0,2 - 0,5% tổng thu ngân sách nội địa cho hoạt động khuyến công). Đồng thời việc thực hiện tiết kiệm 20% chi ngân sách dẫn đến tổng chi cho hoạt động khuyến công còn ít, do đó trong công tác lập kế hoạch và triển khai các đề án chưa được chủ động và kịp thời.

- Do ảnh hưởng chung của suy thoái kinh tế nên các doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc huy động vốn, tiêu thụ đầu ra của sản phẩm bị hạn chế, dẫn đến việc triển khai đề án chưa đáp ứng tiến độ theo kế hoạch đề ra.

- Cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động khuyến công chưa đáp ứng theo yêu cầu công việc: Trung tâm khuyến công chưa có trụ sở làm việc, điều kiện làm việc của cán bộ, viên chức chật hẹp,...nên chưa đáp ứng cho công tác hoạt động chuyên môn.

III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG

* Nguồn kinh phí khuyến công đã thực hiện trong 7 năm (2009-2015)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nguồn kinh phí	Kết quả thực hiện trong 7 năm (2009-2015)							
		Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	KH Năm 2015	Tổng cộng
1	Kinh phí khuyến công quốc gia	520	90	60	910	750	770	1.700	4.800
2	Kinh phí khuyến công địa phương	225	550	541,125	423	188,33	400	636	2.963,455
3	Nguồn khác		90	75	0	0	0		165
	Tổng kinh phí	745	730	676,125	1.333	938,33	1.170	2.336	7.928,455

- Kinh phí khuyến công Quốc gia và địa phương : 7.763,445 triệu đồng.

- Nguồn khác (CPI, TTKC khu vực 1): 165 triệu đồng.

IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THEO CÁC CƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình đào tạo nghề và phát triển nghề:

Hỗ trợ đào tạo nâng cao tay nghề cho 770 lao động, đào tạo mới cho 500 lao động. Số lao động có việc làm sau đào tạo là 740 người.

2. Chương trình nâng cao năng lực quản lý: Tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ quản lý hợp tác xã (HTX), doanh nghiệp với số học viên là 150 người; nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ HTX và tổ chức hội thảo tập huấn về công tác khuyến công cho 200 người, là cán bộ phòng công thương các huyện, Thành phố, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Trong 07 năm qua, toàn tỉnh đã tổ chức 05 đoàn, với 59 lượt người đi tham quan học tập kinh nghiệm công tác khuyến công tại các tỉnh bạn.

3. Chương trình xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và tiến bộ khoa học kỹ thuật:

Đã hỗ trợ được 08 mô hình trình diễn kỹ thuật nghề chế biến lâm sản; hỗ trợ các cơ sở ứng dụng máy móc tiên tiến vào sản xuất sản phẩm mới, giải quyết việc làm cho 350 lao động, tổng thu hút vốn đầu tư của cơ sở 600 triệu đồng; hỗ trợ thiết bị sản xuất sản phẩm mới và nghề truyền thống cho 08 cơ sở giải quyết việc làm cho trên 300 lao động; hỗ trợ sử dụng tiết kiệm năng lượng (hầm bi ô ga) cho nông dân theo hướng sản xuất sạch hơn.

4. Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn (CNNT) tiêu biểu:

Tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh và đăng ký tham gia bình chọn cấp khu vực. Kết quả, có 17 sản phẩm đạt giải sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh, 05 sản phẩm và 01 nhóm sản phẩm đạt giải sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp khu vực. Tham gia 03 đợt hội chợ hàng công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp vùng, hỗ trợ cho 22 cơ sở tham gia hội chợ. Đã hỗ trợ 7 đợt, cho 38 lượt cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ trong tỉnh. Qua đó, các cơ sở công nghiệp nông thôn có điều kiện giới thiệu quảng bá sản phẩm, tìm kiếm mở rộng và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường, hỗ trợ cho 01 cơ sở đăng ký thương hiệu sản phẩm.

5. Chương trình phát triển hoạt động tư vấn cung cấp thông tin:

Phát hành bản tin của ngành Công Thương, với số lượng 2.300 cuốn, in ấn 200 cuốn tài liệu về công tác khuyến công để tuyên truyền về công tác khuyến công và các lĩnh vực hoạt động của ngành, xây dựng 01 chương trình “khi công nghiệp về làng” phát sóng trên kênh VTV1. Hoạt động khuyến công thường xuyên được thông tin trên Đài phát thanh và truyền hình tỉnh, Báo Cao Bằng, trang thông tin điện tử của ngành và báo điện tử Bộ Công Thương.

V. CHƯƠNG TRÌNH NÂNG CAO NĂNG LỰC KHUYẾN CÔNG:

Hàng năm, tổ chức cho cán bộ làm công tác khuyến công tham gia tập huấn nghiệp vụ và các văn bản mới do Cục Công nghiệp Địa phương tổ chức; hỗ trợ cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ cấp vùng và kết hợp dự các hội nghị về công tác khuyến công được tổ chức 02 năm một lần; trang bị các thiết bị phục vụ công việc như: máy vi tính, máy ảnh, bàn ghế, tủ, v.v...

VI. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG GIAI ĐOẠN 2009 - 2015

1. Đánh giá thực hiện các mục tiêu khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn:

Thực hiện chương trình khuyến công trên địa bàn đã kịp thời động viên và huy động các nguồn lực tham gia hoặc hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tạo việc làm, tăng thu nhập, thực hiện chuyển đổi cơ cấu lao động và góp phần xây dựng nông thôn mới; khuyến khích, hỗ trợ sản xuất sạch hơn tại các cơ sở sản xuất công nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu; giảm thiểu phát thải và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm; bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, sức khỏe con người; hỗ trợ, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp một cách bền vững, nâng cao năng lực

cạnh tranh, thực hiện có hiệu quả lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế. Đến năm 2015, tỷ trọng công nghiệp nông thôn chiếm tỷ lệ lớn trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp, kim ngạch xuất nhập khẩu hàng công nghiệp - tiêu thủ công nghiệp tăng dần qua các năm.

2. Đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến công theo các chương trình:

- *Chương trình đào tạo nghề khôi phục và phát triển nghề:* Giúp nâng cao trình độ nhận thức và tay nghề, một số cơ sở đã liên doanh liên kết thành lập các tổ nhóm, HTX mở dịch vụ sản xuất và sửa chữa, đội ngũ lao động làm việc trong các doanh nghiệp có tay nghề kỹ thuật cao, nâng cao trình độ quản lý cho các cơ sở trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh của đơn vị, góp phần giải quyết việc làm cho 1.600 lao động, tăng thu nhập cho lao động từ 2 đến 3,0 triệu đồng/người/tháng.

- *Chương trình hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật và hỗ trợ thiết bị:* Giúp cho người lao động tiếp cận với thiết bị hiện đại, giảm bớt lao động thủ công, tăng năng suất lao động, giảm giá thành sản xuất, từ đó người lao động đã phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng thu nhập cho người lao động trong các cơ sở này từ 2,5 đến 3,0 triệu đồng/người/ tháng.

- *Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn:* Việc hỗ trợ cho các cơ sở tham gia hội chợ trong và ngoài tỉnh là cơ hội để các cơ sở quảng cáo sản phẩm, quảng bá thương hiệu, tiếp cận thị trường, tìm kiếm đối tác kinh doanh và học tập kinh nghiệm các tính năng để nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường. Một số sản phẩm được khách hàng đánh giá cao như: Sản phẩm trúc các loại, chè Giảo cổ lam, đúc rèn nông cụ cầm tay, miến dong, lạp sườn, đường kính trắng, thuốc lá lá, khẩu Sli,... Sản phẩm chiếu trúc nan của Công ty cổ phần chế biến trúc tre xuất khẩu và chè Giảo Cổ lam của Trung tâm Ứng dụng tiến bộ và chuyển giao khoa học công nghệ được công nhận là hàng công nghiệp nông thôn tiêu biểu tại Hội chợ cấp vùng do Cục Công nghiệp Địa phương tổ chức năm 2010. Năm 2012, có 12 sản phẩm đạt sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, gồm: Chè Ô long, thêu thổ cẩm, trà thảo dược A-G, ván ghép thanh, bánh khẩu Sli, đường kính loại I, thuốc lá lá vàng sấy, đúc rèn, măng sấy khô, lạp sườn, thịt xông khói và 5 sản phẩm đạt giải sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp vùng gồm: Chè Giảo cổ lam, đường kính loại I, thuốc lá lá vàng sấy, ván ghép thanh, lạp sườn. Năm 2014, có 5 sản phẩm đạt giải cấp tỉnh gồm: Lạp sườn, Jăm bông, thịt xông khói, chè Giảo Cổ lam, dao kéo các loại; có 01 nhóm sản phẩm đạt giải cấp khu vực.

- *Công tác thông tin tuyên truyền:* Tuyên truyền phổ biến các văn bản chính sách liên quan đến công tác khuyến công thông qua hội nghị tập huấn, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh và Báo Cao Bằng, trang thông tin điện tử của

ngành Công Thương, Báo Công Thương đã nâng cao nhận thức của các ban ngành, các cơ sở công nghiệp nông thôn và vận động được các cơ sở tham gia vào hoạt động khuyến công.

- Công tác khảo sát học tập kinh nghiệm về khuyến công tại các tỉnh bạn đã giúp cho cán bộ làm công tác khuyến công, phòng công thương các huyện và các cơ sở công nghiệp nông thôn học tập kinh nghiệm trong công tác quản lý sản xuất; kinh nghiệm trong công tác khuyến công, học tập các mô hình sản xuất mới, gương sản xuất kinh doanh giỏi của tỉnh bạn để vận dụng phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của đơn vị.

* **Đánh giá chung:** Giai đoạn 2009 - 2015 hoạt động khuyến công của tỉnh đã mang lại hiệu quả thiết thực, khôi phục lại một số nghề truyền thống, như: Đúc, rèn, hương, giấy dó, đan lát, gia công cơ khí. Phát triển một số nghề mới thuộc nhóm nghề chế biến nông sản thực phẩm, sản xuất vật liệu không nung, cơ khí và đồ uống. Đến nay, các nghề này vẫn duy trì ổn định và phát triển, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, tăng doanh thu cho các cơ sở công nghiệp nông thôn, làm thay đổi dần bộ mặt nông thôn, góp phần tăng giá trị sản xuất công nghiệp, đóng góp vào quá trình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

3. Tồn tại, hạn chế

- Một số huyện chưa thực sự quan tâm đến hoạt động khuyến công, số lượng đề án đăng ký ít, nội dung không cụ thể, chung chung, doanh nghiệp chưa chủ động lập kế hoạch khuyến công. Đội ngũ cán bộ làm công tác khuyến công cấp huyện còn hạn chế, do đó các cơ quan chuyên môn của tỉnh phải hướng dẫn thực hiện từ khâu đầu cho đến khâu cuối, dẫn đến bị động trong quá trình triển khai đề án.

- Các cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh nhỏ lẻ, phân tán. Việc phát triển làng nghề truyền thống chưa được quan tâm đầu tư, chỉ dừng lại ở làng có nghề, chưa có làng nghề đáp ứng tiêu chí để được công nhận là làng nghề theo quy định.

- Trên địa bàn mới có tổ chức khuyến công ở cấp tỉnh, chưa có hệ thống khuyến công đến cấp huyện, thành phố, xã. Do đó có ít đề án khuyến công chưa thực sự phù hợp và đem lại hiệu quả thiết thực.

- Công tác tuyên truyền về hoạt động khuyến công trên các phương tiện thông tin còn hạn chế.

- Kinh phí dành cho hoạt động khuyến công còn ít, chưa khuyến khích được các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia các đề án khuyến công.

4. Nguyên nhân:

Ảnh hưởng của suy giảm kinh tế, giá cả tăng cao dẫn đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp gặp khó khăn, một số cơ sở công nghiệp

nông thôn chưa mạnh dạn đầu tư mở rộng sản xuất.

Do sự thay đổi của cơ chế chính sách đối với công tác khuyến công, do đó việc vận dụng chính sách vào thực tiễn chưa được kịp thời.

Nhận thức của các sở, ngành trong tỉnh về lĩnh vực hoạt động khuyến công chưa có sự đồng thuận, kinh phí cấp cho công tác khuyến công còn ít nên chưa đủ sức thu hút và khuyến khích các tổ chức, cá nhân, cơ sở công nghiệp nông thôn đầu tư phát triển công nghiệp trên địa bàn.

Phần II

KẾ HOẠCH KHUYẾN CÔNG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn, áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Đối tượng

- Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).

- Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Tổ chức cá nhân trong và ngoài nước tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

3. Các ngành nghề được hưởng chính sách khuyến công

a) Công nghiệp chế biến, nông - lâm - thủy sản và chế biến thực phẩm;

b) Sản xuất hàng công nghiệp phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu, hàng thay thế hàng nhập khẩu;

c) Công nghiệp hóa chất phục vụ nông nghiệp nông thôn. Sản xuất vật liệu xây dựng;

d) Sản xuất sản phẩm mới, hàng thay thế hàng nhập khẩu, hàng xuất khẩu sử dụng chủ yếu nguyên liệu trong nước;

e) Sản xuất sản phẩm, phụ tùng lắp ráp và sửa chữa máy móc thiết bị, dụng cụ cơ khí, điện, điện tử - tin học; Sản xuất gia công chi tiết, bán thành phẩm và công nghiệp hỗ trợ;

- g) Sản xuất hàng tiêu thụ công nghiệp;
- h) Khai thác chế biến khoáng sản tại những địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Pháp luật;
- i) Áp dụng sản xuất sạch hơn trong các cơ sở sản xuất công nghiệp; xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn.

4. Điều kiện được hưởng chính sách khuyến công

- a) Nội dung phù hợp với nội dung Quy định tại Điều 4 và ngành nghề phù hợp với danh mục ngành nghề quy định tại Điều 5 của Nghị định 45/2012/NĐ-CP;
- b) Nhiệm vụ đề án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;
- c) Tổ chức, cá nhân đã đầu tư vốn hoặc cam kết đầu tư đủ kinh phí thực hiện đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (sau khi trừ số kinh phí được ngân sách nhà nước hỗ trợ);
- d) Cam kết của tổ chức, cá nhân thực hiện đề án khuyến công chưa được hỗ trợ bất kỳ nguồn kinh phí nào của nhà nước cho cùng một nội dung chi được kinh phí khuyến công hỗ trợ.

II. NỘI DUNG NHIỆM VỤ

1. Hỗ trợ đào tạo nghề, truyền nghề theo nhu cầu của các cơ sở công nghiệp để tạo việc làm và nâng cao tay nghề cho người lao động

Hình thức đào tạo nghề, truyền nghề chủ yếu là ngắn hạn, gắn lý thuyết với thực hành, đào tạo nghề gắn với sử dụng lao động tại chỗ của các cơ sở CNNT, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn theo hướng công nghiệp hóa và nông thôn mới; ưu tiên đào tạo cho các cơ sở sử dụng nhiều lao động, các nghề có tiềm năng thế mạnh của tỉnh; đào tạo bồi dưỡng kiến thức cho nông dân, phát triển nghề cho các xã được chọn làm điểm xây dựng nông thôn mới.

Giai đoạn 2016 – 2020, tổ chức các khóa đào tạo nghề, nghề mới, truyền nghề và bồi dưỡng kiến thức cho 650 lao động, mỗi năm đào tạo 130 lao động, chủ yếu là đào tạo ngắn hạn tại chỗ (01 - 03 tháng) gắn với phát triển nghề của các cơ sở CNNT để tạo việc làm và nâng cao tay nghề. Trong đó, hỗ trợ đào tạo nhóm nghề chế biến lâm sản 200 lao động; nhóm nghề gia công cơ khí 100 lao động; nhóm nghề chế biến nông sản thực phẩm 100 lao động; nhóm nghề truyền thống thủ công 100 lao động (dệt, làm hương thắp, giấy dó, miến dong,...); nhóm nghề sản xuất vật liệu xây dựng 150 lao động.

2. Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp, nhận thức và năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất công nghiệp thông qua các hoạt động tư vấn, tập huấn, đào tạo, hội thảo, diễn đàn, tham quan khảo sát học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước, hỗ trợ khởi sự thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn, hỗ trợ mở rộng thị trường tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm công nghiệp nông thôn

Khuyến khích hỗ trợ các tổ chức cá nhân đầu tư vào sản xuất công nghiệp thành lập doanh nghiệp, HTX. Khuyến khích việc chuyển các hộ kinh cá thể sang hoạt động theo HTX, doanh nghiệp để có điều kiện mở rộng quy mô sản xuất; trang bị kiến thức và nâng cao kỹ năng quản trị doanh nghiệp, nhận thức về áp dụng sản xuất sạch hơn cho các cơ sở CNNT, tạo điều kiện cho họ có khả năng cạnh tranh trên thị trường theo hướng phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

- Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn về khởi sự, quản trị doanh nghiệp cho 100 người (mỗi năm 20 học viên);

- Tổ chức nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ doanh nghiệp 100 người (mỗi năm đào tạo 20 học viên);

- Tổ chức 05 hội nghị tập huấn nghiệp vụ, với 90 đại biểu/05 năm;

- Tổ chức 02 đoàn khảo sát học tập kinh nghiệm về công tác khuyến công cho 30 lượt người (2 năm tổ chức 1 đoàn đi khảo sát, học tập);

- Tư vấn hỗ trợ lập dự án, báo cáo đầu tư, kế hoạch sản xuất kinh doanh cho 30 doanh nghiệp/05 năm.

3. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ, ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và xây dựng các mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn

- Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật áp dụng công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới và mô hình thí điểm áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp. Xây dựng một số mô hình trình diễn để phổ biến công nghệ sản xuất tiên tiến trong lĩnh vực chế biến nông sản thực phẩm, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, cơ khí nhỏ phục vụ công nghiệp, công nghiệp phụ trợ, công nghiệp chế biến khoáng sản. Dự kiến 05 năm xây dựng 06 mô hình (mỗi năm hỗ trợ xây dựng được từ 01 đến 02 mô hình).

- Hỗ trợ chuyển giao công nghệ mới, ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, hỗ trợ chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp và các cơ sở, các hộ sản xuất nhỏ. Dự kiến 05 năm hỗ trợ cho 08 cơ sở (mỗi năm hỗ trợ chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật và thiết bị tiên tiến cho từ 01-02 cơ sở sản xuất).

- Hỗ trợ xây dựng các mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn.

4. Phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn thông qua tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, hỗ trợ cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ triển lãm, xây dựng đăng ký thương hiệu

- Vào mỗi năm lẻ, 02 năm/một lần tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, trên cơ sở đó lựa chọn sản phẩm được bình

chọn cấp tỉnh tham gia bình chọn cấp khu vực, doanh nghiệp có sản phẩm được công nhận là sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được ưu tiên hỗ trợ từ nguồn khuyến công để đầu tư phát triển sản xuất, đổi mới công nghệ, thiết bị, xúc tiến thương mại, đào tạo lao động. Dự kiến tổ chức 02 đợt bình chọn (mỗi đợt tổ chức bình chọn, lựa chọn khoảng từ 05 đến 10 sản phẩm tham gia bình chọn cấp tỉnh, giới thiệu từ 4 - 5 sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh tham gia bình chọn cấp khu vực).

- Hỗ trợ các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và làng nghề giới thiệu sản phẩm với khách hàng trong và ngoài nước, tạo điều kiện để tiếp cận khai thác, mở rộng thị trường, tiêu thụ sản phẩm; đẩy mạnh việc tư vấn, hỗ trợ các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đưa sản phẩm đi tham gia các hội chợ triển lãm trong và ngoài tỉnh. Đây là cơ hội để khách hàng tìm hiểu và biết đến các cơ sở sản xuất, đồng thời là điều kiện tốt để so sánh chất lượng hàng hoá của cơ sở mình, nhu cầu thị hiếu, thay đổi mẫu mã sản phẩm cho phù hợp.

Dự kiến hỗ trợ cho 30 lượt cơ sở CNNT tham gia hội chợ triển lãm (mỗi năm hỗ trợ cho khoảng 06 - 08 cơ sở sản xuất và làng nghề tham gia 2 đợt hội chợ trong và ngoài tỉnh.

- Hỗ trợ cho các cơ sở công nghiệp nông thôn xây dựng, đăng ký thương hiệu sản phẩm để quảng bá và khẳng định vị thế của sản phẩm trên thị trường. Dự kiến hỗ trợ cho 05 doanh nghiệp đăng ký thương hiệu (mỗi năm hỗ trợ đăng ký thương hiệu sản phẩm cho 01 cơ sở).

5. Phát triển hoạt động cung cấp thông tin về chính sách phát triển công nghiệp, khuyến công thông qua chương trình

Xây dựng trung tâm dữ liệu điện tử về công nghiệp nông thôn phạm vi từ tỉnh đến các huyện, thành phố. Xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh, ấn phẩm khuyến công, tờ gấp, quảng cáo, trang thông tin điện tử và các hình thức thông tin đại chúng khác để phổ biến kiến thức, mô hình sản xuất kinh doanh điển hình, thiết bị - công nghệ tiên tiến, công nghệ mới trong sản xuất công nghiệp, thị trường và các thông tin khác cho cơ sở công nghiệp nông thôn, trong đó: Hỗ trợ tư vấn 02 cơ sở; lập 05 trung tâm dữ liệu điện tử trên trang thông tin điện tử; xây dựng 02 chương trình truyền hình và 02 nội dung, hình thức khác.

6. Tư vấn hỗ trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn

Hỗ trợ các cơ sở CNNT lập dự án đầu tư, marketing, quản lý sản xuất - tài chính - kế toán - nhân lực; thành lập doanh nghiệp, liên doanh liên kết trong sản xuất kinh doanh; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói, ứng dụng công nghệ- thiết bị

mới. Tư vấn hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tiếp nhận các chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách đất đai, chính sách khoa học công nghệ, chính sách tài chính tín dụng và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước.

7. Chương trình hỗ trợ liên doanh, liên kết, hợp tác kinh tế và phát triển các cụm công nghiệp

- Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết và đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp theo quy hoạch phát triển công nghiệp của địa phương tại những địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; địa bàn công nghiệp chậm phát triển. Hỗ trợ thu hút các cá nhân, tổ chức đầu tư vào các cụm, điểm - công nghiệp đã được quy hoạch và xây dựng.

- Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết 04 cụm công nghiệp.

- Hỗ trợ 04 cơ sở CNNT xử lý, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường áp dụng sản xuất sạch hơn cho các cơ sở CNNT.

- Hỗ trợ các cơ sở CNNT thành lập các hiệp hội, hội ngành nghề; liên kết sản xuất các mặt hàng phụ trợ; mô hình liên kết cơ sở sản xuất thủ công mỹ nghệ truyền thống với các doanh nghiệp du lịch.

- Hỗ trợ tư vấn, lãi suất vốn vay cho các cơ sở CNNT gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, cụm công nghiệp.

- Hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở CNNT.

- Hỗ trợ hợp tác quốc tế về khuyến công: Tổ chức khảo sát học tập kinh nghiệm về khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, quản lý cụm công nghiệp, sản xuất sạch hơn với các tổ chức cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam thông qua hội nghị, hội thảo, diễn đàn.

- Hỗ trợ nâng cao năng lực, trình độ cho cán bộ làm công tác khuyến công theo các chương trình hợp tác quốc tế và các chương trình đề án, học tập khảo sát tại nước ngoài. Dự kiến trong 05 năm tổ chức 02 đoàn đi khảo sát, học tập kinh nghiệm phát triển công nghiệp nông thôn các nước trong khu vực.

8. Chương trình nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản liên quan nhằm hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế, chính sách về hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức học tập kinh nghiệm trong nước, hội thảo chuyên đề, hội nghị tổng kết về hoạt động khuyến công; tổ chức kiểm tra, giám sát, hướng dẫn hoạt động khuyến công để nâng cao hiệu quả của hoạt động khuyến công từ tỉnh

đến huyện, xã. Tổ chức 03 đoàn khảo sát học tập kinh nghiệm khuyến công trong nước cho 36 lượt người, gồm cán bộ một số ngành liên quan đến hoạt động khuyến công, phòng công thương các huyện, một số cơ sở công nghiệp nông thôn; tham gia khoảng 5 hội nghị khuyến công.

- Kiện toàn bộ máy, bổ sung biên chế, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công tại tỉnh và một số huyện có ngành nghề công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phát triển.

- Đầu tư con người và cơ sở vật chất kỹ thuật cho Trung tâm khuyến công theo hướng chuyên nghiệp hóa. Dự kiến lập dự án xây dựng trụ sở làm việc, trong đó có cả phòng trưng bày sản phẩm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, hội trường và các khu vực phụ trợ khác.

- Phối hợp với các cơ quan, viện, trường, doanh nghiệp, Trung tâm khuyến công các tỉnh bạn có khả năng thực hiện các hoạt động đào tạo, tư vấn kỹ thuật tại cơ sở bạn. Xây dựng chương trình, giáo trình, tài liệu và tổ chức đào tạo nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công cho cán bộ làm công tác khuyến công.

- Tăng cường quan hệ hợp tác, tranh thủ các nguồn tài trợ của các doanh nghiệp, của nước ngoài và các tổ chức quốc tế cho hoạt động khuyến công.

(Chi tiết nội dung nhiệm vụ như Biểu 01 kèm theo).

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Biểu tổng hợp kinh phí

DVT: Triệu đồng

TT	Nguồn kinh phí	Các năm					Tổng cộng
		2016	2017	2018	2019	2020	
I	Khuyến công quốc gia	1.200	1.600	1.600	1.500	1.700	7.600
1	Thực hiện nội dung khuyến công	700	800	800	1.200	900	4.400
2	Hỗ trợ quy hoạch chi tiết cụm CN	500	500	500		500	2.000
3	Hỗ trợ cải tạo nâng cấp xử lý ô nhiễm môi trường cho các cơ sở CNNT		300	300	300	300	1.200
II	Khuyến công địa phương	600	600	700	800	900	3.600
III	Tổng cộng 2 nguồn	1.800	2.200	2.300	2.300	2.600	11.200

(Chi tiết từng nội dung và kinh phí như Biểu số 02 kèm theo)

2. Nguồn kinh phí và quản lý, sử dụng kinh phí

- Kinh phí khuyến công quốc gia;
- Kinh phí khuyến công địa phương;
- Việc quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện theo Luật Ngân sách và các quy định hiện hành của Nhà nước.

IV. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác tuyên truyền

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan báo, đài của Trung ương và của tỉnh để tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về hoạt động khuyến công và công nghiệp nông thôn; đặc biệt là chính sách về xã hội hoá hoạt động khuyến công để tạo sự quan tâm và đồng thuận của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, các tổ chức, cá nhân.

2. Tổ chức bộ máy và chỉ đạo thực hiện công tác khuyến công

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công; từng bước kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác khuyến công từ tỉnh đến cơ sở; thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và giúp đỡ các huyện trong việc thực hiện kế hoạch khuyến công; xây dựng các văn bản pháp lý liên quan đến hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh để làm cơ sở thực hiện. Quản lý sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương đúng quy định, đảm bảo đạt hiệu quả, thiết thực.

3. Công tác đào tạo

Gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và sử dụng, nhằm tận dụng cơ sở vật chất, máy móc, trang thiết bị của doanh nghiệp, đồng thời bố trí việc làm cho lao động tại các doanh nghiệp sau đào tạo.

4. Về nguồn lực thực hiện:

- Tranh thủ nguồn hỗ trợ của Chương trình Khuyến công quốc gia;
- Trên cơ sở ngân sách địa phương hằng năm, bố trí kinh phí hợp lý cho công tác khuyến công địa phương; phối hợp, lồng ghép các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình xây dựng nông thôn mới, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và khai thác, tìm kiếm, phối hợp với các tổ chức, cá nhân để huy động các nguồn lực hợp pháp khác thực hiện các đề án khuyến công;
- Tăng cường cơ sở, vật chất cho Trung tâm Khuyến công tỉnh; nâng cao năng lực công tác cho đội ngũ cán bộ làm công tác khuyến công.

5. Công tác báo cáo, tổng kết

Hàng năm tổ chức sơ kết, hết giai đoạn tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm về hoạt động khuyến công; khuyến khích, động viên, kịp thời khen thưởng cho các cá nhân, tập thể, đơn vị có nhiều thành tích trong công tác khuyến công.

V. TỒ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội có liên quan, UBND các huyện, Thành phố tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả nội dung Kế hoạch.

b) Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng kế hoạch chi tiết và dự toán kinh phí hàng năm để trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định.

c) Định kỳ hàng năm báo cáo Cục Công nghiệp Địa phương và UBND tỉnh về tình hình thực hiện Kế hoạch.

d) Thực hiện các chức năng quản lý nhà nước khác theo quy định hiện hành của Nhà nước về khuyến công.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp Sở Công Thương tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện Kế hoạch khuyến công giai đoạn 2016-2020. Trong đó, bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo từng năm cho phù hợp với tình hình ngân sách của tỉnh.

b) Phối hợp Sở Công Thương hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện Kế hoạch.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các sở ngành tham mưu cho UBND tỉnh xem xét bố trí vốn đầu tư xây dựng trụ sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc cho Trung tâm Khuyến công cấp tỉnh theo quy định.

b) Phối hợp Sở Công Thương tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức các chương trình hợp tác, xúc tiến đầu tư nhằm thu hút các nguồn vốn trong và ngoài nước cho hoạt động khuyến công của địa phương.

4. Các sở, ngành, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội có liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp Sở Công Thương thực hiện Kế hoạch về các nội dung có liên quan.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, Thành phố

a) Xây dựng kế hoạch khuyến công hàng năm theo các nội dung của Kế hoạch khuyến công giai đoạn 2016 - 2020 gửi Sở Công Thương (qua Trung tâm Khuyến Công và Tư vấn phát triển công nghiệp trước ngày 20 tháng 5 hằng năm).

b) Chỉ đạo phòng công thương các huyện, phòng kinh tế hạ tầng Thành phố phối hợp Sở Công Thương, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp, các doanh nghiệp, cơ sở CNNT triển khai các đề án khuyến công trên địa bàn./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đàm Văn Eng

BIỂU QUẢN LÝ KẾ HOẠCH KHUYẾN CÔNG TỈNH CAO BẰNG GIAI ĐOẠN 2016- 2020

(Kèm theo Kế hoạch Khuyến công tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016-2020 được ban hành tại Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 02 năm 2015 của UBND tỉnh Cao Bằng).



TT	Nội dung chi tiết	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng
I.	Nội dung 1: Đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề, Bồi dưỡng kiến thức							
1	Số lao động mới đào tạo được	Lao động		50	50	150	100	350
2	Truyền nghề và phát triển nghề, Bồi dưỡng kiến thức	Lao động	60	60	60	60	60	300
II.	Nội dung 2: Nâng cao năng lực quản lý							
1	Số học viên được đào tạo khởi sự doanh nghiệp	Học viên			50		50	100
2	Số học viên được đào tạo nâng cao năng lực quản lý	Học viên	35				30	100
3	Số hội thảo, tập huấn kỹ thuật, nghiệp vụ mới tổ chức được	Hội nghị	1		1		1	3
	- Số đại biểu tham dự hội thảo, tập huấn kỹ thuật, nghiệp vụ mới	Đại biểu	30		30		30	90
4	Số đoàn tham quan khảo sát trong nước tổ chức được	Đoàn		1		1		2
	- Số lượt người được hỗ trợ tham quan khảo sát trong nước	Lượt người		15		15		30
5	Số doanh nghiệp CNNT được hỗ trợ thành lập	Doanh nghiệp	10	10			10	30
III.	Nội dung 3: Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và tiến bộ khoa học kỹ thuật							
1	Số mô hình trình diễn kỹ thuật hỗ trợ xây dựng được	Mô hình	1	1	1	1	1	5
2	Số cơ sở CNNT được hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến	Cơ sở	1	1	2	2	2	8
IV.	Nội dung 4: Phát triển sản phẩm CNNT tiêu biểu							
1	Số sản phẩm CNNT tiêu biểu bình chọn được	Sản phẩm		8		8		16
2	Số lượt cơ sở CNNT được hỗ trợ tham gia hội chợ triển lãm	Cơ sở	6	6	6	6	6	30
3	Số cơ sở CNNT được hỗ trợ xây dựng, đăng ký thương hiệu	Cơ sở	1	1	1	1	1	5

TT	Nội dung và chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng
V.	Nội dung 5: Phát triển hoạt động tư vấn cung cấp thông tin							
1	Số cơ sở CNNT được hỗ trợ tư vấn (đầu tư, marketing...)	Cơ sở		1	1			2
2	Số trung tâm dữ liệu điện tử, trang website lập được	Trung tâm dữ	1	1	1	1	1	5
3	Số cộng tác viên khuyến công cấp huyện xây dựng được	Người	0	0			0	0
4	Số chương trình truyền hình xây dựng được	Chương trình	1		1			2
5	Số hình thức truyền truyền khác xây dựng được	Hình thức		1			1	2
VI.	Nội dung 6: Hỗ trợ liên doanh, liên kết, hợp tác kinh tế và phát triển các cụm - điểm công nghiệp và làng nghề							
1	Số hiệp hội, liên kết được hỗ trợ thành lập	Hiệp hội/ liên kết	0	0			0	0
2	Số cụm công nghiệp được hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết	Cụm	1	1	1		1	4
3	Số cơ sở cải tạo nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường	Cơ sở		1	1	1	1	4
VII.	Nội dung 7: Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện							
1	Số các văn bản quy phạm về khuyến công xây dựng được	Văn bản	3	1				4
2	Số chương trình, giáo trình/tài liệu khuyến công biên soạn	Chương trình/ tài liệu						
3	Số hội thảo, hội nghị tập huấn về khuyến công	Hội nghị	1	1	1	1	1	5
	- Số lượt người được tham gia	Lượt người	40	5	40	5	5	95
4	Nội dung khác	Nội dung	1	1			1	3

BIỂU 02. TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG KHUYẾN CÔNG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 TỈNH CAO BẰNG

(Kèm theo Kế hoạch Khuyến công tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016-2020 được ban hành tại Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2015 của UBND tỉnh Cao Bằng).

DVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Tổng cộng		Tổng chung
		KCQG	KCDP	KCQG	KCDP	KCQG	KCDP	KCQG	KCDP	KCQG	KCDP	KCQG	KCDP	
1	Nội dung 1: Đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề, bồi dưỡng kiến thức		70	100	70	100	50	300	70	200	70	700	330	1.030
2	Nội dung 2: Nâng cao năng lực quản lý		100		100		85		110		100	-	495	495
3	Nội dung 3: Hỗ trợ mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và tiến bộ khoa học kỹ thuật, hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến	700	300	700	300	700	450	800	500	700	500	3.600	2.050	5.650
4	Nội dung 4: Phát triển sản phẩm CNNT tiêu biểu		100		65		100		100		100	-	465	465
5	Nội dung 5: Phát triển hoạt động tư vấn cung cấp thông tin		15				15				30	-	60	60
6	Nội dung 6: Hỗ trợ liên doanh liên kết và phát triển cụm công nghiệp, làng nghề, xử lý ô nhiễm môi trường	500		800		800		300		800		3.200	-	3.200
7	Nội dung 7: Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện		15		15						50	-	80	80
8	Nội dung khác				50			100	20		50	100	120	220
	Cộng	1.200	600	1.600	600	1.600	700	1.500	800	1.700	900	7.600	3.600	11.200